

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 6 - 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huyền và ông Hoàng Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023.

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1984; nơi ĐKKHKT: Tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú hiện nay: Số 7, đường H, thôn I, xã Đ, huyện B, Đài Loan (Trung Quốc).

Người đại diện theo uỷ quyền của chị V về việc giao nhận văn bản, tài liệu: Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1961; nơi cư trú: Thôn 5, xã N, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

- Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số nhà 8, tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1961 và bà Bùi Thị Kim T1, sinh năm 1963; cùng nơi cư trú: Thôn 5, xã N, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa vắng mặt chị V, anh M, ông T, bà T1 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Trần Văn M kết hôn ngày 29/8/2003 có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện K, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu và việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn.

Chị V xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M chơi cờ bạc, không chịu tu chí làm ăn và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bỏ mặc chị và các con. Vì nghĩ đến các con nên chị đã tha thứ cho anh M nhưng anh M vẫn cờ bạc và nợ nần. Năm 2014, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, công việc rất áp lực và vất vả để kiếm tiền gửi về lo cho các con ăn học và trả nợ, tuy nhiên anh M vẫn không thay đổi, qua người thân chị được biết anh M ở nhà có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Nay chị xác định cuộc hôn nhân của anh chị không thể cứu vãn, tình cảm vợ chồng rạn nứt trầm trọng không thể hàn gắn.

Anh M xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sau khi sinh con chị V ghen tuông vô lý và luôn nghi ngờ anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, sau khi được hai bên gia đình hoà giải vợ chồng anh tiếp tục chung sống nhưng cuộc sống không được như trước. Đến năm 2014, chị V đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng ít khi liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2014 đến nay.

Nay chị V và anh M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị V xin ly hôn, anh M nhất trí.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Trần Văn M xác định có 02 con chung là cháu Trần Thị Hương G, sinh ngày 09/11/2005 và cháu Trần Thị Ngọc M1, sinh ngày 08/09/2010. Chị V và anh M đều có quan điểm: Ly hôn giao cho chị V nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Giang và cháu Mai cho đến khi các cháu trưởng thành, tự lập. Chị V không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thị Ngọc M1 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Mai trưởng thành, tự lập. Do chị V đang ở Đài Loan nên chị V uỷ quyền cho bố mẹ đẻ của chị là ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1961 và bà Bùi Thị Kim T1, sinh năm 1963 ở thôn 5, xã N, thành phố P, tỉnh Hà Nam thay mặt chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Giang và cháu Mai cho đến khi chị trở về Việt Nam, chị sẽ gửi tiền về cho ông bà để nhờ ông bà lo cho các cháu. Anh M cũng nhất trí giao 2 cháu cho ông T và bà T1 nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian chị V đi làm tại Đài Loan.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác: Chị V và anh M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị V tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, anh M nhất trí, không có ý kiến gì.

* Tại văn bản ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng T và bà Bùi Thị Kim T1 trình bày: Chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Trần Văn M có 02 con chung là cháu Trần Thị Hương G, sinh ngày 09/11/2005 và cháu Trần Thị Ngọc M1, sinh ngày 08/09/2010, hiện 2 cháu đang với ở anh M và ông bà nội. Khi chị V và anh M ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án giao 2 cháu cho chị Nguyễn Thị Hồng V nuôi, trong thời gian chị V đi làm ở nước ngoài đề nghị giao 2 cháu cho ông bà nuôi dưỡng đến khi chị V về Việt Nam ông bà sẽ giao lại cho chị V nuôi dưỡng 2 cháu theo đúng nguyện vọng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 110 và 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Trần Văn M. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Hương G, sinh ngày 09/11/2005 và cháu Trần Thị Ngọc M1, sinh ngày 08/09/2010 cho chị Nguyễn Thị Hồng V nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Giang, cháu Mai trưởng thành, tự lập. Trong thời gian chị V lao động tại Đài Loan, tạm giao hai cháu cho ông Nguyễn Hồng T và bà Bùi Thị Kim T1, trú tại: Thôn 5, xã N, thành phố P, tỉnh Hà Nam (là bố mẹ đẻ của chị V) nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi chị V về nước. Ghi nhận sự tự nguyện của anh M về cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thị Ngọc M1 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 7/2023.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị V phải chịu toàn bộ 150.000đ.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Do chị V không đề nghị, anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng V về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con có yếu tố nước ngoài nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng V kết hôn với anh Trần Văn M ngày 29/8/2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện K, tỉnh Hà Nam; trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu và việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, chị V cho rằng anh M có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, không chịu tu chí làm ăn. Hai bên gia đình đã khuyên can, hoà giải nhưng không được. Năm 2014, chị V đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị V xin ly hôn, anh M nhất trí. Xét mâu thuẫn của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và cả hai đều tự nguyện ly hôn nên căn cứ theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Trần Văn M.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Trần Văn M có 02 con chung là cháu Trần Thị Hương G, sinh ngày 09/11/2005 và cháu Trần Thị Ngọc M1, sinh ngày 08/09/2010. Khi ly hôn anh chị thống nhất giao cháu Giang và cháu Mai cho chị Nguyễn Thị Hồng V chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, tự lập; anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thị Ngọc M1 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Mai trưởng thành, tự lập. Hội đồng xét xử thấy rằng việc thoả thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp nguyện vọng của cháu Giang, cháu Mai và quy định tại Điều 81, 82, 110 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Hiện chị V đang lao động tại Đài Loan nên đã uỷ quyền cho ông T và bà T1 (bố mẹ đẻ chị V) nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Giang và cháu Mai trong thời gian chị lao động tại Đài Loan. Do ông T và bà T1 nhất trí chăm sóc, nuôi dưỡng cháu 2 cháu nên Hội đồng xét xử tạm giao cháu Trần Thị Hương G, sinh ngày 09/11/2005 và cháu Trần Thị Ngọc M1, sinh ngày 08/09/2010 cho ông Nguyễn Hồng T và bà Bùi Thị Kim T1, nơi cư trú: Thôn 5, xã N, thành phố P, tỉnh Hà Nam nuôi dưỡng, chăm sóc từ tháng 7/2023, khi chị V về Việt Nam ông T và bà T1 có trách nhiệm giao lại 2 cháu cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định.

[5] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Chị V và anh M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Trần Văn M phải chịu theo quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V, buộc chị V phải chịu toàn bộ án ly hôn sơ thẩm theo quy định.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Do anh Trần Văn M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Trần Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Hương G, sinh ngày 09/11/2005 và cháu Trần Thị Ngọc M1, sinh ngày 08/09/2010 cho chị Nguyễn Thị Hồng V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ tháng 7/2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và lao động, tự lập được. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn M về việc cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thị Ngọc M1 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng từ 7/2023 cho đến khi cháu Mai đủ 18 tuổi.

Tạm giao cho ông Nguyễn Hồng T và bà Bùi Thị Kim T1 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Hương G, sinh ngày 09/11/2005 và cháu Trần Thị Ngọc M1, sinh ngày 08/09/2010 trong thời gian chị V lao động tại Đài Loan. Khi chị V về Việt Nam sinh sống, ông T và bà T1 có trách nhiệm giao lại cháu Hương và cháu Giang cho chị Nguyễn Thị Hồng V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng V phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002504 ngày 17/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam. Hoàn trả chị V 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn M không phải chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hải